



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1

LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận
chất lượng quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Giám định và Khử trùng FCC tại Hà Nội
Laboratory: Branch of FCC Control and Fumigation Joint Stock Company in Ha Noi

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: Công ty Cổ phần Giám định và Khử trùng FCC
Organization: FCC Control and Fumigation Joint Stock Company

Số hiệu/ Code: VILAS 528

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Hóa, Cơ
Field: Chemical, Mechanical

Người quản lý/ *Laboratory manager:* Nguyễn Văn Lương

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: từ ngày / 6 /2026 đến ngày 19/04/2029

Địa chỉ: 45 Đinh Tiên Hoàng, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh
Address: No. 48 Dinh Tien Hoang Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City

Địa điểm: 6 Nguyễn Công Trứ, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Location: No. 6 Nguyen Cong Tru Street, Hai Ba Trung Ward, Ha Noi City

Điện thoại/ *Tel:* 02439710867

Email: fcchanoi@fcc.com.vn; ptn_fcchanoi@fcc.com.vn

Website: Fcc.com.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1*LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION***VILAS 528****Chi nhánh Công ty Cổ phần Giám định và Khử trùng FCC tại Hà Nội***Branch of FCC Control and Fumigation Joint Stock Company in Ha Noi***Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Nhôm và hợp kim nhôm <i>Aluminum and Alloy aluminum</i>	Xác định thành phần hóa học Phương pháp quang phổ phát xạ chân không <i>Analyse chemical compositions Spark Atomic Emission Spectrometry</i>	Si : (0,07~16)% Fe: (0,2~0,5)% Cu: (0,001~5,5)% Mn: (0,001~1,2)% Mg: (0,001~5,4)% Cr: (0,01~0,23)% Ni: (0,005~2,6)% Zn: (0,002~5,7)% Ti: (0,001~0,12)%	(a) ASTM E1251-25
2.	Thép không gỉ <i>Stainless steels</i>	Xác định thành phần hóa học Phương pháp quang phổ phát xạ chân không <i>Analyse chemical compositions Spark Atomic Emission Spectrometry</i>	C: (0,005~0,25)% Si: (0,01~0,90)% Mn: (0,01~2,0)% P: (0,003~0,15)% S: (0,003~0,065)% Cr: (17,0~23,0)% Mo: (0,01~3,0)% Ni: (7,5~13,0)% Cu: (0,01~0,30)%	(b) JIS G1253:2013

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1*LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION***VILAS 528****Chi nhánh Công ty Cổ phần Giám định và Khử trùng FCC tại Hà Nội***Branch of FCC Control and Fumigation Joint Stock Company in Ha Noi***Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ***Field of testing: Mechanical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Vật liệu kim loại <i>Metallic materials</i>	Thử kéo, xác định: - Giới hạn chảy - Giới hạn bền kéo - Độ giãn dài tương đối sau khi đứt <i>Tensile testing, determination of:</i> - <i>Yield strength</i> - <i>Tensile strength</i> - <i>Elongation</i>	(10 ~ 1000) kN	(a) ASTM A370-26 JIS Z2241:2022 TCVN 197-1: 2014
2.		Thử uốn <i>Bend testing</i>	180°	(a) ASTM A370-26
3.		Thử độ cứng Rockwell <i>Rockwell hardness test</i>	HRA (20 ~ 88) HRB (20 ~ 100) HRC (20 ~ 67)	(a) ASTM E18-25
4.	Bu lông <i>Bolt</i>	Thử kéo bu lông nguyên bản: Xác định lực kéo lớn nhất <i>Axial Tension Testing of Full Size Bolts: Determination of Ultimate load</i>	(10 ~ 1000) kN	(a) ASTM A370-26 TCVN 1916:1995 ISO 898-1 : 2013/ Cor 1:2013
		Thử kéo với vật liệu bu lông (bu lông được gia công cơ), xác định: - Giới hạn chảy - Giới hạn bền kéo - Độ giãn dài tương đối sau khi đứt <i>Tension Testing of Bolts Machined to Round Test Specimens, determination of:</i> - <i>Yield Strength</i> - <i>Tensile Strength</i> - <i>Elongation</i>	(10 ~ 1000) kN	(a) ASTM A370-26 TCVN 1916:1995 ISO 898-1 : 2013/ Cor 1:2013

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1

LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION

VILAS 528

Chi nhánh Công ty Cổ phần Giám định và Khử trùng FCC tại Hà Nội

Branch of FCC Control and Fumigation Joint Stock Company in Ha Noi

Ghi chú/Note:

- (a): Phép thử cập nhật phương pháp thử, phạm vi đo trong danh mục phép thử của quyết định số 1364/QĐ-VPCNCL ngày 24/07/2024/ *Update method version tests update tests, range of measurement in list of accredited test of accreditation decision no. 1364/QĐ-VPCNCL dated 24/07/2024*

- (b): Phép thử mở rộng tháng 6/2026 /*Extend tests in June 2026*

- ASTM: *the American Society for Testing and Materials*

- JIS: *Japanese Industrial Standards*

Trường hợp Công ty Cổ phần Giám định và Khử trùng FCC cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Giám định và Khử trùng FCC phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for FCC Control and Fumigation Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

